

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

—*—*—*—
ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^{er} VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-đình-Bính

Chánh chủ-bát: Phan-chung-Thứ
Sư cụ chùa Hàng-Sở
Phó chủ-bát: Dương-vân-Hiền
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIA BAO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

MỤC - LỤC

Số bài	Số trang
Sự cảm tưởng của thanh-niên Tăng-già...	3-13
Phật-luật-học	13-16
Khóa-hư	17-20
Trúc song tùy bút (tiếp theo)	21-23
Chuyện các thánh tăng	23-27
Văn uyển	27-28
Thời sự	29-30
Phương danh các vị cúng tiến làm chùa Hội-quán	31-32

KINH SÁCH ĐÃ IN XONG

1 - KINH THẬP THIÊN GIẢNG NGHĨA

2. - KINH PHẬT THUYẾT TỬ SINH

Hai quyển đóng chung làm một, có chữ nho Quốc-ngữ đối chiếu. Bộ trên Phật dạy đủ phép làm người, tu học theo đó tức là người hoàn toàn nhân cách, lên bậc thánh hiền. Bộ dưới Phật dạy cho biết rõ cái cảnh thế gian là vô thường để đưa vào đường đạo.

Đóng bla đẹp, giá 0\$80

3. - TÂY VỰC KÝ

Một bộ nhật-ký chính tay ngài Trần - huyền - Trang viết trong khi đi sang Tây-trúc lấy kinh, không hoang đường như Tây-du mà sự thực lý kỳ, đẹp lý viên mãn, xem như thấy được rõ cảnh Phật vậy.

Đầy 148 trang đóng kỹ, giá 0\$80

Thư và mandat gửi cho :

M. Nguyễn-hữu-Kha

N. 73, Rue Richaud — Hanoi

SỰ CẢM TƯỜNG CỦA THANH-NIÊN TÂN-NIÊN ĐỐI VỚI PHẬT-GIAO TƯƠNG LAI

Bàn về phương diện hoằng-pháp

Phật-lữ chỉ vì lòng từ bi lân mẫn chúng sinh đau khổ, nên không nở vào niết-bàn, đành phải lăn lộn vào cõi đời, để tìm đường cứu khổ. Trong 49 năm thuyết-pháp, đã dùng đủ mọi phép môn giáo hóa, như ngọn đuốc tuệ soi đường cho quần chúng, để dắt ra ngoài nơi bể khổ sống mê, mà đưa đến cõi niết-bàn an lạc.

Phật lữ thường nói: Phạm vật gì đã bị sinh ra ở không gian, thì đều phải tiêu-diệt. Phật tự biết sắc thân của Phật không còn mãi được, song vì tấm lòng đại từ đại bi thương xót chúng sinh sau này, cho nên trước khi thị tịch, Phật đã bảo các hàng đệ tử rằng: a) Về phái xuất-gia bề trong phải nghiêm trì giới-luật, bề ngoài phải hoằng pháp lợi sinh. b) Về phái tại-gia thì phải coi như khi Phật còn tại thế: vì tăng là người thay má Phật mà giáo-hóa nhân-gian.

Phật pháp trải hơn 2 ngàn năm lẻ đến ngày nay, lúc thịnh lúc suy, cái vận mệnh ấy đều ở trong tay tăng chúng cả.

Nước Ấn-độ họ tôn đức Phật Thích-ca và chư tăng làm thầy, cũng như Trung-hoa họ tôn đức Khổng-tử và 72 vị tiền hiền cho đến những thầy đồ, thầy khóa ngày nay. Nhưng các tiên sinh về bên Nho giáo có ai đến học thì thầy mới dạy, còn chư tăng bên Phật-giáo, thì dù một kẻ chẳng biết đến mình, hay không ưa mình mặc dầu, vẫn phải tìm phương-tiện để dắt ra ngoài đường lầm lạc. Thế dù rõ cái gánh vác của tăng già đối với Phật-

giáo và cái trách nhiệm đối với chúng sinh to tát và nặng nề biết mấy ?!

Nhưng làm một người hoàn toàn có nhân cách còn khó khăn, huống hồ làm thầy cho người phải đâu là dễ. Nếu chẳng được toàn trí toàn năng như Phật, thì về phần học vẫn tài năng và đức hạnh của mình ít ra cũng phải hơn người; vì nếu không hơn người ta thì không thể dạy người ta và làm tiêu biểu cho người ta theo được. Bởi thế, cho nên xưa kia Phật đã bảo các đệ tử rằng: Muốn ra hoàng pháp lợi sinh, thì cần phải học đủ năm môn học gọi là Ngũ minh:

1) Thanh-minh — nghĩa là tập liếng nói cho dịu dàng uyển chuyển và có điệu văn-chương, để khi thuyết-pháp đàm luận cho hùng hồn và rõ rệt. Hơn nữa lại cần phải biết đủ các thứ tiếng nước ngoài.

2) Công-xảo minh — nghĩa là phải học cho biết rõ các nghề mỹ-thuật, để tùy theo nghề nghiệp của chúng sinh mà vẽ lối chỉ đường.

3) Y-học minh — nghĩa là phải học khoa làm thuốc cho thật giỏi, để cứu giúp cho chúng sinh trong khi đau ốm, và nương theo lối đối trị thân bệnh của thế-gian, mà chỉ lối đối trị tâm bệnh của Phật-pháp.

4) Nội-minh — nghĩa là phải học cho thông hiểu tam tạng, hay là nhận tâm pháp một cách xác đáng.

5) Nhân minh — nghĩa là phải biết rõ cái nguyên cớ sở nhân, sở do cho đích đáng, phạm lập ra một thuyết gì, cũng phải nói đến chỗ cội rễ một cách rõ rệt, không có lu-mờ.

Các vị tăng-già chịu cái trách nhiệm hoàng pháp lợi sinh, phải học khó khăn như thế; cho nên bậc cô-đức có câu rằng « Xuất-gia nữ đại trượng phu sự, phi tương tướng chi sở năng 爲. 出家乃大丈夫事, 非相將之所能爲. » Nghĩa là người xuất gia là người có chỉ làm việc đại trượng phu, chứ

không phải những người có tài làm tướng, cũng làm nổi được ».

Các vị Đại-thượng bồ-tát trong đạo Phật, chẳng những là đã quên hết cả danh lợi, mà lại còn phải đem mình dấn vào trong trần thế để cứu vớt chúng-sinh. Có ngài nói rằng : « Ngã bất nhập địa-ngục, thùy nhập địa ngục ? 我不入地獄, 誰入地獄 ? Nghĩa là ta không vào địa-ngục, còn đờ đợ ai vào ? » Ngài Địa-tạng phát nguyện rằng : « Không độ hết chúng sinh, thì thề không thành Phật ». Ô ! tâm lòng từ bi bác ái đối với chúng sinh nặng nề biết nhường nào ? !

Một nhà đại thi-sĩ bên Trung-quốc đã phải khen ngợi rằng : « Nhân gian tam vạn lục thiên nhật, bất cập tăng gia bán nhật nguyệt, 人間三萬六千日, 不及僧家半日閑 » (đời người ba vạn sáu ngàn ngày, không bằng thú nhàn nửa ngày của nhà chùa). Chính ý câu thơ là ca tụng công đức của các đệ-tử Phật, làm việc độ sinh không ngơi lúc nào, mà trông vẫn có vẻ tự tại. Người sau hiểu lầm chữ « nhàn » ấy, cho mình đã xuất gia, tức là khách chán đời, không cần phải làm gì hết. Một khi đã bước chân vào chốn thiền-môn, thì tưởng mình đã lánh xa nơi trần tục, không quan niệm chi đến xã hội nhân quần, và tự nhận mình là khách chán đời rồi, thì xã hội không ai còn trông cậy đến. Thế là cứ ung đung tự tại, mặc dù những kẻ còn dang ngoi ngóp ở nơi biển khổ sóng mé.

Cái đời sống quên ngay tháng ấy, đối với các đạo khác, thì đã là cái đời sống thanh cao, nhưng đối với đạo Phật, thì Phật cho là « tiêu nha bại chủng » nghĩa là những người vô dụng. Cái đời sống như thế là hư sinh, mà chết đi sẽ cùng cỏ cây mục nát.

Ngày nay có nhiều vị ở các chùa, về phần hình thức thì tựa hồ như « ứng thế độ nhân », nhưng

xét đến phần linh-thần thì chẳng có gì đáng gọi là phần sự người hoằng dương đạo Phật. Các chùa thờ Phật hình như là một nơi thờ cúng các quỷ thần của bọn mê tín; lãng xá, giăng đường thì hình như một nơi tiêu triều-đình của một hương-dãng, mà vị sư trụ trì cũng như một ông từ ở Trôi, nom về việc quyét tước đèn hương, khi nào có quan viên ra văn cảnh, thì cầm điếu, rót nước, bưng trầu, nếu một khi mà tiêu, vãi đi làm văng. Nhà sư ở chùa dân, mà được sạch cỏ tổ đèn, và có linh ngoan ngoan khéo mua chuộc lòng dân, thì dân sẽ công nhận mà hứa cho rằng: sẽ được ở chùa ấy mãi. Nhà sư cũng là người thờ thời-vụ, cũng theo như ý muốn của dân, cũng phải làm cho đầy đủ phụng sự mà dân đã giao phó cho, ngoài ra không còn việc gì hơn nữa. Nếu vị nào bết tiệt thì giờ muốn học tập, thì đi học khoa cúng, học canh, học mùa; miễn là khoa cúng thuộc nhiều, canh hay dịp sắc, tay mùa dẻo, thì đã nghiêm nhiên là một vị cao lãng rồi.

Hoặc có người lại kiếm tiền chạy chùa, cũng như người muốn có công việc làm mà phải xếp chề dè mưu sự sinh hoạt; nếu một khi có phốt gì, hay trái ý ông chủ, thì sẽ bị đuổi hay trừng phạt bằng những điều mắng nhiếc, mà bằng quan đã phải động lòng thương. Người nào làm những việc dè tiện như thế, thì sao chẳng nhớ trong Tru-môn Tồ bảo rằng: « Tương liền mãi viện như cuồng cầu » đấy ư?

Lại có hạng người lợi dụng Phật-pháp, nghĩa là người ấy chẳng những là không chịu hoằng pháp lợi sinh, mà lại còn làm hại cả đến danh dự của Phật pháp. Những người như thế, phải đâu là tư cách người mặc áo dài nâu. Than ôi! Đạo Phật suy vi đến thế là cùng, ai là kẻ có tâm ưu thời mẫn thế, phỏng còn để mãi thế được chăng?!

Phật pháp đến thời kỳ này thực là suy vi, nhưng tôi dám chắc cũng còn có nhiều vị cao tăng dạy tri Phật-pháp, và cũng có phần quan niệm đến thế đạo nhân tâm. Nói tóm lại, thì đời nào cũng có kẻ hay người dở: hễ đời nào tăng già nhiều người hay thì Phật-pháp thịnh, đời nào lắm người dở, thì Phật-pháp suy. Xem như hiện trạng tăng chúng ngày nay, thì nên chia ra làm ba bậc:

1) Bậc có học thức, có đức hạnh, mà lại hoằng pháp lợi sinh; đối với xã hội là bậc thượng-lưu mà đối với Phật pháp là phái Đại thặng.

2) Bậc có học thức có đức hạnh, mà không chịu hoằng pháp lợi sinh; đối với xã-hội là bậc trung-lưu, mà đối với Phật pháp là phái liêu thặng.

3) Bậc kém học thức, kém đức hạnh, mà lại làm nhiều điều quấy; đối với xã-hội là bậc hạ-lưu mà đối với đạo Phật là ngoại hán. (người ở ngoài đạo Phật)

Xét cho rành; suy cho kỹ, thì làm người ai chẳng muốn hay muốn giỏi, khi mới xuất gia ai chẳng muốn thành Phật? Nhưng vì tráo lưu số đầy, hoàn cảnh nó chẳng theo với chí nguyện của người!!

Cứ xem như tình thế hiện thời thì tôi được thấy:

Các chùa ở thành thị thì chỉ có chùa đầy, chứ sự liêu dùng hàng ngày của chư tăng chẳng trông ngóng vào đâu, chỉ còn trông vào lòng tin thí của thập phương, mà tôi vật tin thí ấy, lại ít khi phải là lòng thành của dân Việt, chẳng qua chỉ là sự mua bán đổi chác đó thôi. Ví dụ: nhà chùa viết hộ một văn sớ, hay cúng hộ một cái đàn, thì nhà chủ đưa bao nhiêu tiền; chứ thật ra người đàn chủ đem tiền đến cúng-dàng để cho chư tăng ăn học thì hiếm lắm. Vì thế cho nên những chủ tiền hết ngày ấy sang ngày khác, chỉ chăm chú về việc hầu hạ trà nước những khách xá ra vào, hoặc khi có đình đám, thì phải nấu cỗ bưng mâm và cúng vái, vì nếu

không làm như thế, thì không lấy đâu mà thụ dụng hàng ngày.

Những chùa về thôn quê, tuy dẫu có dề ruộng, nhưng chỉ có số ruộng nhang đặng, hay thuộc về lệ ngạch gì, chứ thật ra số ruộng cũng dằng chừng ấy không có; nhà chùa có khéo chắt bóp thì mới đủ ăn, nếu vụng suy vụng tính, hay là không làm thêm nhân công vào, thì có khi thiếu thốn, phải đi vay công mượn nợ. Bởi thế cho nên những chú tiểu phải đi làm, hoặc cào cỏ lát nước, cho đến cuốc góc làm bở, suốt ngày đầu tắt mặt tối, khi về lại phải xay thóc dũa gạo nữa, chứ có thối đâu. Đến khi mở được quyển sách ra, thì sự nhọc mệt nó đã dẫm cái ma ngủ ở đâu đến, dù có lĩnh áo chằng nữa, cũng chẳng dám ngồi học khuya, vì phải đi ngủ, để sáng mai dậy sớm làm cơm ăn, và bắt đầu làm việc như trước.

Cứ thế mãi, hết ngày ấy sang ngày khác, quanh đi quẩn lại, chả mấy nổi mà người lớn tuổi nhiều, tuy sức học chưa có gì, nhưng có công lao chấp tác, nên các cụ cũng thương mà cho thụ-giới, rồi cứ thế liên mãi lên cho đến sư ông sư cụ. Sau vì ở với thầy bạn không được hòa hợp, rồi lại đi nhận cảnh riêng. Từ đây trở đi đã bận về công việc chùa, thì còn nói chi đến sự học hành nữa. Dù có biết sự học mình còn kém cỏi, nhưng đã bị cai hoán, cảnh nó trói buộc vào đây rồi, thì còn biết xoay xử làm sao cho được! Ấy, cái nguyên nhân suy vì phát khởi ra từ đây, rồi truyền lưu cứ tràn đi mãi đến ngày nay.

Sóng trước đổ dâu, sóng sau đổ đống. Bởi các cụ trước đã gây ra cái nguyên nhân ấy, cho nên các cụ sau này lấy đấy làm gương, nghĩa là cái thời kỳ trước các cụ làm chức vụ một người tiểu thế nào, thì những người làm tiểu sau này cũng phải theo như thế. Các cụ còn thuật lại những truyện cũ cho mà hay rằng: thời kỳ các cụ làm tiểu khổ

như thế, bây giờ được như thế, cũng đã sung sướng lắm rồi. Đã hay rằng bỏ củi gánh nước, cũng là đạo, nhưng làm tiều mà như người đi ở không công, thì còn có gì là thú vị! Bởi thế cho nên người thì tìm đường thoát thác, mà kẻ bất tiều thì mượn lối tiến lên, nghĩa là cửa chiền phần nhiều chỉ là nơi mà hoàn cảnh éo le dẫn người ta đến nương tựa cho qua ngày, chứ còn người bản tâm xuất-gia thì ít có. Chính như lời của ông Không-minh đã nói: « thân tiều nhân, viễn hiền thần, Hậu-Hán sở dĩ suy đồi dã. Nghĩa là gần kẻ tiều nhân, mà xa người hiền, ấy là cái nguyên nhân suy đồi của nhà Hậu-Hán ».

Ngày nay phong trào Phật-pháp chấn-hưng, lòng người xu hướng đến tinh thần đạo lý, về công cuộc hoằng dương giáo pháp, kẻ có công tâm nên nghĩ thế nào? thiết tưởng thiền-gia cần nhất là sự học.

Một người tại-gia mới cho con vào học lớp đồng-ấu đến lớp nhất thì không kể, còn từ khi bắt đầu vào học Thành-trung trở đi, thì tiền phí lại càng gấp mấy, nào tiền cơm nhà trọ, tiền thầy dạy, tiền thi, tiền bút, mực sách vở, trong bấy nhiêu năm trời tiền phí biết bao nhiêu, thế mà họ vẫn giàu lòng cho con đi học đến kỳ thành tài, và theo đuổi đến ngày kết quả.

Còn sự học của thiền-gia thì rất là giản tiện, tiền thầy học không phải mất, sách vở ít khi phải mua, ăn uống thì rất là hà tiện. Xem thế thì tiền của tại-gia một năm, nhà chùa có thể học mười năm. Vậy thì sự học nên cần, mà trường học cũng có thể lập được.

Bởi thế cho nên tôi viết bài này đăng lên đây, điều cốt yếu là tôi yêu cầu với các cụ rằng: mỗi một tỉnh nên dựng lấy một trường Phật-học, hoặc quy về một sơn-môn, nếu mà tăng chúng không được hòa.

Tuy nhiên nói thì dễ như thế, nhưng việc làm có ý khó khăn; vì việc dựng trường học đã là khó

mà lại tìm cách bảo lờn cho trường học ấy được lâu dài, thì lại là một điều khó nữa. Nhưng xét lại thì ở đời chẳng có việc gì khó, chỉ tại người ta không bền lòng, nghĩa là chỉ sợ các cụ không hết lòng, nếu các cụ đồng tâm hiệp lực với nhau, thì làm gì mà chẳng được. Cứ xem như các cụ trụ trì chùa, mỗi khi làm việc phúc, thì sự ủng hộ lẫn thành đủ rõ: lý như làm chùa, tô tượng, đúc chuông mở pháp-hội, dựng trường hạ, làm đàn chay; thì ít nhất cũng phải có lời hàng trăm trở lên, hoặc hàng nghìn cho đến 2, 3 vạn không nhất định. Nếu kể về một địa phương hay một sơn-môn, thì ít nhất cũng phải có lời 25 ngôi chùa trở lên, nếu đã hết lòng làm, thì đối với tài năng và tin nhiệm của các cụ, thiết tưởng là một việc rất dễ dàng.

~ Nếu các cụ chẳng cố công dựng trường học, mà cứ làm cho nhiều chùa, tô cho nhiều tượng, đúc cho nhiều chuông, thì lời e rằng cái chùa ấy nó chỉ là cái chùa, chứ không có ý nghĩa gì cả. Vì trụ-tri là « trụ Pháp vương gia, trụ Như-lai tạng », nếu chẳng có tài năng học thức, thì sao xứng đáng với 2 chữ « Trụ Trì ». Còn việc tô tượng mà thờ, đúc chuông mà đánh, thì cũng phải nên biết cách đánh chuông thế nào? thờ Phật có ảnh hưởng gì không? nếu chẳng hiểu đến nguyên do, thì chẳng khỏi là mê tín được.

Trong kinh Bản-sinh Phật bảo các Bồ-tát rằng: Nếu có người đem vàng bạc, mà bố thí cho khắp cả ba nghìn đại thiên thế giới, và xây chùa cao đến 33 tầng trời; như thế cũng chưa phải là báo ơn Phật. Nếu muốn báo ơn Phật, thì chỉ có một điều là « hoằng pháp lợi sinh ». Vì sao? vì làm chùa rồi một ngày kia cũng bị đổ nát, mà bố thí như thế cũng chẳng qua là của thế gian; chỉ bằng cứu vớt cho một người, rồi một người ấy ngày sau lại cứu độ cho bao nhiêu người nữa; như thế thì Phật-

pháp mới thường trụ ở thế gian. Tôi nói thế, chứ lời không giám bảo các cụ đừng làm chùa; nghĩa là hình thức với tinh thần cần phải đi đôi với nhau mới được.

Còn như việc mở pháp hội và dựng trường hạ, tuy cũng là việc hoằng pháp, nhưng không lợi ích mấy. Vì ngôi hạ thì sự học không được liên tiếp dễ quên. Năm nay hạ chùa này, sang năm hạ chùa khác, mỗi năm chỉ có một thời gian là ba tháng, mà trong ba tháng ấy đã mấy ai ở được hoàn toàn vị thì khất 7 ngày, có vị bận việc thì khất đến một tháng 14 ngày như thế thì còn học hành gì cho nên có vị đến 2 30 hạ mà không rõ nghĩa luật.

Về việc pháp hội trong ba ngày mà đọc một bộ kinh Pháp hoa; thiết tưởng chỉ trừ ra những bậc có óc đại thông minh, còn cũng ít người hiểu được. Cách hoằng pháp như thế là chỉ có tiếng thôi, thật ra thì không có lợi ích. Còn như làm đàn chay, chẳng nói thì ai cũng rõ rằng chẳng có gì lợi ích về thực tế. Chi bằng các cụ bỏ ngay những món tiền ấy ra, gom nhau vào để dựng trường học, sau này tăng chúng học thành tài thì có thể làm nổi được hết thầy moi việc được hoàn toàn viên mãn.

Đấy là những số tiền làm phúc mà các cụ bớt ra làm việc hoằng pháp, lại còn nhiều món tiền có thể bớt ra được, là những món tiền mà các cụ không cần liêu dến....

Phật pháp, suy vi đã lâu ngày, nay chính đốn lại được như xưa, thật là một điều rất khó; những nước có loạn mới lỗ tài của lời trung, nhà có nghèo mới rõ lòng của con hiếu; đang lúc này mà các cụ làm cho Phật-pháp được xương minh, thì mới rõ tấm lòng thành của các cụ đối với Phật-lễ, và cũng lỗ cái tài hoằng pháp lợi sinh của các cụ

Chắc các cụ cũng đã thấy về phái tại gia họ lập hội Truyền bá quốc ngữ, đề châu đãi tư tưởng cho

nhau, đây là theo cái chủ nghĩa « Tiên giác giác hậu giác ». Thế thời thiên gia các cụ cũng nên có công dụng trường học, để đào luyện cho lãng già, như thế là các cụ theo cái chủ nghĩa « Tự giác giác tha » của Phật tổ. Các cụ ra làm việc tuy nhiên có lao tâm khổ trí thật, nhưng mà thời thế sử nhiên, lẽ tất nhiên là trình độ Phật-giáo phải đi tới bước đường đó.

Xem như Thái-Hư đại sư ở Trung-hoa, chẳng những là làm cho Phật-pháp trong nước sôi nổi, mà lại còn sang cả châu Âu, châu Mỹ để truyền giáo; huống hồ trong nước nhà có bao nhiêu vị đại đức, có lẽ nào lại chẳng làm Phật-pháp được hiển dương ?

Tồ Quy-sơn nói : « Bỉ ký trượng phu ngã diệc nhi, bất ưng tự khinh nhi thoát khuyển 彼既丈夫我亦爾, 不應自輕而退却. Nghĩa là người kia là trượng phu, thì ta cũng là trượng phu, không nên tự khinh mình mà dật lùi trở lại ». Tồ lại nói luôn rằng : « Phục nguyện : hưng quyết liệt chí chí, khai đặc đại chí hoai vân vân ».

Ông Mạnh-Tử nói rằng : « Hà dĩ dị ư nhân giả, Nghiêu Thuấn dĩ nhân đồng nhĩ 何以異於人者, 堯舜與人同耳 » (nào có ai hơn ai đâu, vua Nghiêu vua Thuấn cũng là người vậy).

Xem thế thì hết thầy mọi việc ở đời người ta đều có thể làm được cả, chỉ trừ ra những người không có định tâm và sức kiên nhẫn mà thôi.

Kính bạch các cụ từ bi hoan hỉ, chắc các cụ đã trải qua một thời kỳ làm chức vụ người tiêu, thì các cụ có thể thấu hiểu hết được mọi nỗi thống khổ của anh em thanh niên lãng chúng hiện thời. Khổ vì không được học, kính không biết, luật không hay, cho nên trí-não tối tăm, thì dù có làm những việc mờ ám đến đâu cũng không biết, suốt tháng ngày chỉ mờ mờ mịt mịt, như kẻ sống trong giấc

mộng đêm trường chỉ mong mỗi ánh hào-quang soi lối. Đường tu đã không biết lối, cách xử thế lại vụng về, còn đâu giám nói đến việc hoằng pháp lợi sinh là một việc to lớn nữa.

Các cụ còn nghĩ đến tương lai Phật giáo và thương đến bọn hậu bối, thì xin các cụ nên coi đệ-lữ như con nên giảm bớt việc làm, để tăng thêm cho sự học. Các cụ làm như thế, là các cụ đã mở đường chỉ lối cho bọn thanh-niên tăng già biết của Phật mà vào, các cụ đã báo trọn cái ơn của Phật tổ.

Các cụ nghĩ đến tiền đồ Phật-pháp, cũng như người lại giu nghĩ đến lễ tiên, các cụ thương đến bọn hậu-lai, cũng như người tại-gia thương đến con thơ dại mà gây nên hạnh phúc. Phật giáo tương lai có những bậc anh tài ra hoằng pháp lợi sinh mỗi một chùa có một vị sư làm giáo viên, như thế thời mới mong Phật-giáo phổ cập nhân-gian; mọi người được nhờ Phật-giáo mà vượt qua bề khổ sông mê, ấy là công đức của các cụ vô lượng vô biên vậy.

Đồng-chân : HƯNG HÓA

PHẬT - LUẬT - HỌC

(Tiếp theo)

Phật đã dạy cho biết những điều hại, Phật lại bảo những sách để phòng bị thêm :

Lại có bốn sự oán mà y như thân vậy, người phải nên biết rõ : 1. sợ chịu, 2. nói ngọt, 3. kính thuận, 4. bạn dữ. Sợ chịu có bốn nghĩa : trước cho rồi sau lại cướp lấy, cho ít lại mong được lại nhiều, vì sợ phải cưỡng mà thân và vì lợi nên mới thân ; Nói ngọt lại có bốn nghĩa : lãnh hay giữ thế nào cũng song, lúc có loạn lại lia bỏ, ngộ ở ngoài có được người hiền lành nào đến thì họ lại ngấm mà ngăn đón đi mất và lúc chợt thấy mình có việc nguy hiểm liền dùn mình ra ;

Kính thuận lại có bốn nghĩa : trước họ lừa dối mình, sau họ lừa dối mình, hiện giờ họ lừa dối mình và thấy có tí lỗi họ cũng đả đọa mình đau ; Bạn dữ lại có bốn nghĩa : giữa lúc uống rượu làm bạn với mình, giữa lúc đánh bạc, lúc cưới hỏi, lúc hát sướng là làm bạn với mình.

Lại có bốn sự thân đáng nên thân được người cứu giúp ích lợi nhiều lắm : 1. ngăn trái, 2. lành thương, 3. lợi người, 4. cùng sự nghiệp. Ngăn trái có bốn nghĩa : thấy làm điều ác hay ngăn đốn đi, bảo người điều ngay thẳng, lòng lành thương nghĩ và tỏ rõ lỗi lên nhân thiên ; Lành thương lại có bốn nghĩa : thấy được lợi liền cả mừng, thấy chịu sự dữ dối liền lo thay, khen kẻ đức hạnh của người và thấy nói đến điều ác là ngăn cản đi ; Lợi người lại có bốn nghĩa : giữ gìn cho khỏi buông dồng, nhớ có buông dồng được khỏi mất cửa, hoặc bị buông dồng mất cửa được khỏi nỗi sợ hãi và lúc vắng vẻ thường răn bảo nhau ; Cùng sự nghiệp lại có bốn nghĩa : liết lòng đỡ đỡ không quản chi thân mệnh, không tiếc của báu, cứu giúp cho những sự ghé góm và lúc vắng vẻ thường khuyên bảo nhau.

Như trên cái lẽ hay dở đã bày, cần phải tỏ biết, và lựa chọn giữ mình, điều nào dở nên bỏ, điều nào hay nên theo, làm những điều đó có được óng chuốt thì mới làm trọn được việc lễ sáu phương, cho nên trước khi giảng về phép lễ sáu phương phật hãy nói những phép ấy đã, Phật bảo :

Này Thiện-sinh nên biết, sáu phương là những gì ? Cha mẹ là phương đông, thầy dạy là phương nam, vợ chồng là phương tây, họ hàng là phương bắc, tôi đòi là phương dưới, ngôi Sa-môn, Bà-la-môn và những bậc có đức nét cao là phương trên, làm bốn phận người con phải lấy năm sự mà kính thuận cha mẹ : 1. cung thờ chớ để thiếu thốn, 2. phạm làm việc gì trước thưa cha mẹ, 3. cha mẹ làm gì đều kính thuận không dám trái, 4. chính lệnh của cha mẹ không dám để sai, 5. không đoạn mất cái nghiệp chính của cha mẹ làm ; Cha mẹ lại nên lấy năm điều ngăn giữ người con : 1. đe ngăn không cho

làm điều ác, 2. chỉ bảo những chỗ tốt lành cho, 3. lòng lành
 mến con cháu đến xương tủy, 4. sửa soạn các việc cưới xin tốt
 đẹp cho con, 5. tùy thời giúp cho mọi sự tiêu dùng, nếu
 người con đối với cha mẹ mà ăn ở có lòng kính thuận hầu
 hạ được như thế, thì về phương đông kia sẽ được yên ổn,
 không có điều gì lo sợ cả. Đệ-tử thờ thầy cũng có năm sự :
 1. hầu hạ mọi việc, 2. lễ kính cúng dâng, 3. Tôn trọng kính
 đội, 4. thầy bảo điều gì thuận theo không giám trái, 5.
 nghe Phép thầy dạy nhớ kỹ không hề quên ; thầy lại nên
 lấy năm điều mà đối với đệ tử : 1. Cứ như pháp mà coi giữ
 2. Chỗ chưa biết thì dạy cho, 3. Tùy nghe đến đâu khiến
 hiểu đến đấy 4. Chỉ bảo cho biết những bạn lành, 5. Minh
 biết được đến đâu đều dạy cho hết. Chồng đối với vợ cũng
 có năm sự : 1. lấy lễ độ mà đối đãi với nhau 2. Lúc nào
 cũng oai nghiêm đứng mực, 3. Tùy thời để cho ăn mặc, 4.
 Tùy thời để cho chải chuốt, 5. Giao phó các việc ở trong nhà
 cho. Vợ lại nên lấy năm điều mà cung kính chồng. 1. Giày
 trước chồng, 2. Ngủ sau chồng, 3. Ăn nói cho hòa nhã, 4.
 Kính thuận chồng, 5. Mau dạ lĩnh ý chỉ của chồng. Đối với
 họ hàng cũng có năm sự : 1. Tư giúp cho, 2. Nói năng dịu
 dàng, 3. Làm cho lợi ích, 4. Được sự lời gì cùng nhau hưởng
 thụ, 5. Không lừa dối. Họ hàng lại nên lấy năm điều mà đối
 đãi lại : Coi giữ cho khỏi buồn giận, 2. Khi đã trót buồn
 giận khỏi mất của cải, 3. và khỏi lo sợ, 4. Vàng vẻ bảo
 nhau, 5. Thường khen ngợi nhau. Chủ coi đũa ở cũng có
 năm sự : 1. Tùy việc mà sai khiến, 2. Tùy thời cho ăn uống,
 3. Tùy thời sai làm việc khó nhọc, 4. Khi ốm cấp thuốc thang,
 5. Rộng cho có lúc được nghỉ ngơi nhàn hạ. Người ở lại
 nên lấy năm điều mà hầu hạ chủ : 1. Sáng phải dậy sớm, 2.
 Làm việc gì cho chu đáo, 3. Tuổi gì nếu chủ không cho thì
 không dám lấy, 4. Làm việc phải có lần lượt, 5. Tăng bực chủ
 lên. Đàn việt đối với các bậc Sa-môn và Bà-la-môn cũng có
 năm sự : 1. Thân làm điều lành, 2. Miệng nói điều lành, 3.
 ý nghĩ điều lành, 4. Phải thời mà cấp thí, 5. Cửa nhà không
 hạn chế ai. Các vị kia cũng lại nên lấy sáu điều mà giới thụ

lại : 1. Ngăn ngừa không để làm ác, 2. Tỏ bày các chốn yên lành cho. 3. Khiến cho lúc nào cũng thường mang lòng lành, 4. Chỗ nào chưa biết cho được nghe biết, 5. Chỗ nào đã nghe, khiến được hiểu rõ, 6. Mở bảo con đường lên cõi giới. Ấy đây Thiện-sinh : như trên mỗi điều nếu mà làm trọn được, thì tùy theo những phương đó thầy đều yên ổn không có nạn lo sợ gì nữa vậy.

Đó mới thực là cái nghĩa sáu phương, mà xưa nay chàng Thiện-sinh không hiểu tới chỉ biết lẽ bái xuống không, cứ kẻ chỗ nhờ lời, cha dặn mà giữ được như thế là cũng quý báu lắm rồi, nhưng hiềm vì cái làm kia lại làm vu-vơ, mê-hoặc vô nghĩa lý, cho nên dù có háng hái đến thế nào, cũng bằng phí công vô ích mà thôi, vậy Phật phải bảo rõ cho mà biết, rằng hồn thân của mình đối sử với mọi người trong hàng ngày, kể từ sáng sớm thức dậy đỡ đi, làm sao cho mọi bề đều được yên ổn chu đáo, ấy tức là phép lẽ sáu phương vậy.

Trong một gia-đình, nếu ai cũng giữ đúng pháp luật mà làm lành như trên, thì gia-đình ấy sẽ vẻ vang hưng-chấn, rộng ra đến một nước, trong một nước, nếu nhân dân theo đúng điều pháp-luật mà làm lành, thì dân nước sẽ được cường thịnh

(còn nữa)

Mấy lời cáo bạch cùng các vị xem bài Phật luật học

Mới đây có tiếp được lời của mấy quý-vị độc-giả, nhắc đến thể-tài trong bài Phật-luật-học. Vì muốn cho được trân trọng và có bằng chứng câu chữ Kinh-luật, cho nên mỗi mạch đều có đăng cả Hán-âm ; nhưng thấy có nhiều vị ngộ ý yêu cầu muốn đăng nguyên quốc-âm, cũng lại có vị muốn đăng cả mặt chữ Hán nữa. Song nay hội-thông mà theo cách tiện dụng và ý kiến của một số rất nhiều người, vậy từ nay bài Phật luật-học về phần Hán văn xin bớt.

Dịch thuật giả cần bạch

志心懺悔。臣某等。自從無始。無量劫來。忘却本心。罔知正道。墮三塗苦。由六根非。若不懺前難。追悔後身根業者。父精母血。假合成形。五臟百神。共相結聚。執爲我體。忘却法身。殺盜媾生。遂成三業。殺生業者。常行酷虐。不起慈仁。殘害四生。豈知一體。悞傷故殺。自作教他。或造符師。以行禳禱。或爲鴆毒。以害生靈。惟務忍人。不懷憫物。或焚山藪。或竭溪源。設網張羅。飛鷹走狗。見聞隨喜。念起想行。拳動運爲。無非是罪。偷盜業者。見他財寶。竊起私心。擊

十三

鑽開封。探囊胝篋。見佛常住。貪計滋生。奪作家寶。
不驚神怒。匪但金玉。而致重愆。及至草針。亦成盜
業。邪媯業者。心迷聲色。眼著鉛華。不顧廉貞。曲生
私慾。或於淨地。佛院僧堂。近事女男。共相調笑。弄
十四花擲果。踏足拊肩。鑽穴踰墻。皆成媯業。如斯等罪。
無量無邊。及至命終。入于地獄。男抱銅柱。女臥鉄
床。萬劫方生。還遭罪報。若不懺悔。何以消除。今對
佛前。悉皆懺悔。

懺悔已志。心歸命禮。十方無上三寶。

KHÓA HƯ GIẢNG YẾU

HÁN :

Xám - hối thân căn tội

Chỉ tâm xám hối, thân mỗ đặng, tự tông vô thủy, vô lượng kiếp lai, vong khước bản tâm, vong chi chính đạo, đọa tam đồ khổ do lực căn phi. Nhược bất xám-hối, nan chuy hối hậu Thân căn nghiệp giả, phụ tính mẫu huyết, giả hợp thành hình, ngũ tạng bách thần, cộng tương kết tụ, chấp vi ngũ thể. Vong khước pháp thân, sát đạo dân sinh, tội thành tam nghiệp. Sát sinh nghiệp giả, thường hành khước ngược, bất khởi từ nhân, tàn hại từ sinh, khởi tri nhất thể. Ngộ thương cố sát, tự tác giáo tha. Hoặc tạo phù sự, dĩ hành yểm đảo, hoặc vi chạm độc, dĩ hại sinh linh, duy vụ nhân nhân, bất hoãi mẫn vật. Hoặc phần sơn tầu, hoặc kiệt khe nguyên, thiết vông chương la, phi ưng tầu cầu. Kiến vãn tùy lễ. niệm khởi tướng hành Cử động vãn vi, vô phi thị tội. Thâu đạo nghiệp giả, kiến tha tài bảo, thiết khởi tư tâm, kích

VIẾT :

Xám - hối tội nghiệp căn thân

Giốc lòng xám hối, bọn chúng con bởi từ bao nhiêu kiếp tới nay, bỏ mất bản tâm, không biết chính đạo, đọa ba đường khổ, bởi sáu căn sai, trước chẳng xám hối, sau khó kịp theo. Nghiệp căn thân là: tình cha huyết mẹ, giả hợp thành hình, năm tạng trăm thần, cùng nhau kết hợp. Chấp là mình thực, quên mất pháp thân, vì sát đạo dân, thành ra ba nghiệp. Nghiệp sát sinh là: thường làm tàn ác, không dạ từ nhân, tàn hại bốn loài, biết đau nhất thể. Nhảm thương cố giết, tự làm sai người, hoặc vẽ bùa bèn, dùng cách yểm ác, hoặc dùng thuốc độc, làm hại sinh linh. Chỉ cốt hại người, không hề thương vật. Hoặc đốt núi chằm, hoặc lấp khe suối. Cầm chài chằng lưới, thả cất xuyết muông. Thấy nghe mừng thích, nghĩ ngại tưởng làm, cử động xony vãn, đều là tội cả. Nghiệp trộm cắp là, thấy tiền của người, lòng riêng ngòm ngọi

HÁN :

tỏa khai phong, thám nang khư níp. Kiến Phật thường trụ, tham kế tư sinh. đoạt tác gia si, bất kinh thần nộ. Phi dân kim ngọc, nhi chí trọng khiên, cập chí thảo chảm, diệp thánh đạo nghiệp. Tả dâm nghiệp giá, tâm mê thanh sắc, nhân chước duyên hoa, bất cố liêm trình, khúc sinh tư dục. Hoặc ư tnh địa, Phật viện tăng đượng, cận sự nữ nam, cộng tương điều tiếu. Lộng hoa chịch quả, đạp tức phụ kiền, toàn huyết du tương, giai thành dâm nghiệp. Như tư đấng lợi, vô lượng vô biên, cập chí mệnh chung, nhập vu địa ngục. Nam bảo đồng trụ, nữ ngoại thiết sàng, vạn kiếp phượng sinh, hoàn tao tội báo. Nhược bất xám-hối, hà dĩ tiêu trừ. Kim đối Phật tiền, tất giai xám-hối.

Xám-hối dĩ chí tâm quy mệnh lễ thập phương vô thượng tam bảo.

VIỆT :

Hập khóa mở ngăn, sờ bao thô túi, thấy của nhà Phật nổi tấm lòng tham, cướp làm của riêng. không e thần giận. Không những vàng ngọc, mới phạm tội to, ngọn cỏ cái kim, đều là nghiệp trộm. Nghiệp tà dâm là, lòng mê thanh sắc, mắt đắm phần son, chẳng đoái nét trinh, những sinh tư dục. Hoặc ở nơi sạch, điện Phật phòng Tăng, dụng trạm gái trai, cùng nhau đùa bỡn Tung hoa ném quả, sáo căng võ vai, khoét ngạch trèo tường, đều thành dâm nghiệp. Những tội như thế, vô lượng vô biên, đến lúc chết rồi, xa vào địa ngục. trai ôm cột đồng, gái nằm đường sắt. muôn kiếp mới sinh, lại vương tội báo. Nếu không xám hối, sao được tiêu trừ, đối trước Phật đài, con xin sám hối.

Xám hối đoạn rốc lòng kính lễ Tam-bảo khắp mười phương.

TRÚC SONG TÙY BÚT

(tiếp theo)

Lấy lòng bình đẳng chuy[^] tiến cho kẻ chết

Ngoài quận miếu Đông-bình phường Đa-sĩ thuộc châu Hàng có một người nghèo qu[^]n chết, báo mộng cho vợ y rằng : « Chắc mình không lấy gì mà tu liền cho l[^]oi được, mà dù tu tiến nhiều phước, cũng không bằng t[^]oi miếu Đông-bình xin ông chủ miếu ấy thí cho một bát cơm cũng đủ ». Vợ nghe lời đến xin ông chủ miếu. Ông chủ miếu nói : Ta sắp phải làm chay cho bảy viên chủ đến nơi, biết làm thế nào bây giờ. Song ta thà từ bèn kia mà giúp cho nhà người. Nói rồi liền thí thực cho. Người vợ lại mộng thấy ch[^]ong về khoe rằng đã được siêu thoát rồi. Nguyên ông chủ miếu này, trên bực ông năm ngày thường có thờ tượng Vương-linh-quan, trước tượng để một cái bình, b[^]ệ tụng kinh rồi ai ta gì ông bỏ ngay vào đấy, mắt không hề nhìn đến, rồi dùng đến đâu lấy đến đấy, sờ dĩ ông làm thế là ông không muốn so tính hậu bạc vậy. Một mỗi niệm bình đẳng, vong hồn nhờ đó siêu thăng. Ôi ! cái tâm bình đẳng còn có uy đức như thế, huống chi là cái tâm rộng không ư ? Ai người con Phật nên biết tự gắng vậy.

Lời bàn g[^]óp. Cũng thí là bố thí. bố thí có phân biệt thì phúc không bao, bố thí coi bình đẳng thì phúc vô cùng. cái nghĩa bình đẳng hay lắm thay ! Thế gian lấy của lấy người làm l[^]ao, nhiều tiền coi trọng vợ, ít tiền coi khinh, kẻ sang đón đưa, người bèn r[^]e b[^]iu, so với cái nghĩa bình đẳng trong quả ph[^]ật, cũng đã thấy cao tuyệt rồi. Nhưng còn thấy có bình đẳng, vẫn còn là thấy có người bố thí và kẻ chịu bố thí, không bằng bố thí mà tâm vẫn l[^]ang l[^]ang, không thấy mình là người thí, kẻ kia là xin thí và của đó là của thí, thì phúc còn biết nói làm sao cho cùng nữa. Phật pháp vô lượng, xem một nghĩa thí cũng đủ rồi.

Đối cảnh

Người ta đối với cảnh giới tài, sắc, danh, lợi của thế gian, có nhiều hạng khác nhau, nay lấy câu thí dụ nói cho dễ hiểu. Ví như một đống lửa, tự năm món ở bên, Món thứ nhất như cỏ khô chạm tới là cháy ngay; Thứ hai như gỗ thối vào thì cháy; Thứ ba như sắt, không thể cháy được nhưng nung mãi cũng chảy; Thứ tư như nước, không những không cháy, lại còn làm tắt được lửa, nhưng cho vào nồi đun cũng phải sôi cạn; Thứ năm như không, tha hồ thiêu đốt, bản thể vẫn tự như, cũng không cần diệt, mà rồi tự diệt. Thứ nhất tức là hạng phàm phu, thứ hai, ba, bốn là hạng tu học lên dần, hạng sau cùng mới là các Như-lai đại thánh nhân vậy.

Lời bàn góp. Cái nghĩa không của Phật rất là khó hiểu, phần nhiều cho không là hư-không, là không làm chi cả, chỉ là người chán đời mà thôi. Có biết đâu cái nghĩa không của Phật thật là không mà không phải là không, cứu hết chúng sinh mà không thấy một chúng sinh nào nhờ mình cứu vớt, hành động luôn luôn, mà không thấy có hành động một phút nào, ấy là cái nghĩa chân không của Phật, xem đoạn **Bình đẳng chuyết** tiến trên kia, lại xem đoạn thí dụ này, thì cái nghĩa chân-không mới thật rõ vậy.

Trừ chướng

Người tu hành, trừ bỏ nghiệp chướng, cũng có năm bậc. Ví như thân một người bao bọc năm lần. Lần ngoài là áo dây bằng sắt, lần thứ hai là áo da cừu, lần thứ ba là áo vải, lần thứ tư là áo cánh lụa, lần thứ năm là áo lót mình bằng lụa rất mỏng. Lần lượt cởi ra, hết cả lần áo lót mỏng nữa mới thấy cái thân đỏ hồng của mình. Người tu hành trước phải trừ cái chướng thô thiển trước, trừ mãi trừ mãi, cho đến cõi dễ vô-minh là cái chướng rất nhỏ kia sạch hết, mới là bản thể cái pháp thân thanh tịnh vậy.

Lời bàn góp, Kinh Lăng-nghiêm nói: « Người ta bị nghiệp-chương làm mê hoặc, cũng như nước bị bùn ngấu, phải để yên cho bùn nó lắng xuống đã, rồi lại gạn bỏ bùn đi, thì mới là hoàn toàn nước trong, mà khuấy cũng không thấy đục nữa, đó mới là bản thể chân-như ». Người tu hành nếu không biết phương pháp trừ chương, chưa chi đã toan trừ sạch hết, cũng như dọn cỏ, không phát ngọn, đào đất bới rễ, lại lấy đá đè lên trên cỏ, Cỏ tuy tạm héo bất nhậy lại mọc tung lên. vậy biết người tu cần phải có công phu nhẫn nại và tinh tiến lắm mới được.

Chuyện các Thánh-tăng

I. — Ngài Cưu-ma-la-thập

Ai đã đọc đến kinh Kim-cương, kinh Di-đà, kinh Phổ-môn là những kinh thượng tụng hàng ngày, cũng đều thấy đầu kinh có mấy chữ lớn « Diên-tân Cưu-ma-la-thập dịch ». Nhất là bộ Pháp-hoa là một bộ kinh bậc nhất trong kinh Đại-thừa, đã qua hai vị Đôn-hoàng Bồ-lát Chúc-pháp-bộ và Sà-na cấp-đa dịch rồi, mà lưu truyền khắp nơi, cũng chỉ thấy có bản dịch của ngài Cưu-ma-la-thập, đủ biết những kinh của Ngài dịch có giá-trị biết là nhường nào. Chúng ta nay được biết đến giáo-pháp viên-diệu cùng tột của Phật, đều là nhờ ơn Ngài cả, vì thế chúng ta cần phải biết ơn Ngài và lại cần phải biết rõ cái lịch-sử của Ngài!

Ngài Cưu-ma-la-thập (tên dịch là Đồng-thọ, nghĩa là tuổi trẻ mà có đức như bực trưởng lão) người nước Thiên-trúc, ông Ngài tên là Đạt-da, cha ngài tên là Cưu-ma-viêm, nối đời làm quan tể-tướng. Trước khi cha ngài được nối chức tể-tướng mấy hôm, đã chôn cả nhà mà đi ra ngoài, cạo đầu cắt tóc mà làm thầy tu. Lễ tự nhiên trong nhà phải hoảng hốt mà bỏ báo đi tìm, ông biết ở trong nước nhà không thể yên trí tu

hành được, mới quyết chí đi thẳng về phía đông, vượt qua núi Thông-linh. Ông nguyên là một người cực thông minh, trong nước ai cũng kính trọng, nay ông lại bỏ dứt cái ngôi tể-tướng tuyệt phẩm quang-vinh, mà đi tu trong cái cảnh huống vắng vẻ thanh bần, như thể không những người trong nước ông càng thêm tôn kính ông, mà cả đến người nước ngoài cũng đều kính mộ biết. Vì thế nên khi ông đi đến nước Quy-tur, ông vua nước ấy liền ra tận ngoài thành mà hoan-nghênh ông và rước ông về làm Quốc-sư. Ông đã không thích làm tể-tướng ở nước ông, mà lại bị nước khác ép làm Quốc-sư, sự đó chắc ông cũng không thích gì! Nhưng mà ai biết lại còn có một sự ông lại cực kỳ không thích mà phải vương nữa!

Nguyên vua Quy-tur có một người em gái, tuổi vừa hai mươi, vóc ngọc vẻ hoa, sinh đẹp lạ thường, lại có cái thiên tài siêu vượt hơn người, hết cứ sách vở gì qua mắt là nhớ mãi, thoảng nghe là thuộc ngay. Trong thân thể có mấy nốt ruồi đỏ, đó tức là cái tướng con gái khác phàm vậy. Một người con gái tài mạo xong toàn như thế, lẽ tự nhiên là ai mà chẳng ước ao, thế cho nên các công-lữ vương-lớn các nước đều đem những đồ lễ rất quý giá mà đến cầu thân, nhưng đều bị có khước đi hết. Ai ngờ có trông thấy ông Cưu-ma-viêm một lần, liền tâm đầu ý hợp ngay. Vua Quy-tur thấy em gái bằng lòng lấy ông Cưu-ma-viêm, thật là một sự cao hứng quá ư trong trí tưởng tượng, liền vội vàng đem ý ấy nói với Quốc-sư. Nhưng mà một người như ông Cưu-ma-viêm coi phú-quý như mây nổi, gia-thất như nhà tù kia, có lẽ nào mà nhận lời được nhỉ. Vua Quy-tur biết rằng muốn cho Quốc-sư vui lòng nhận lời, thì thực là khó cả trăm phần trăm, háy giờ vua mới đem cái thủ đoạn độc-đoán của nhà vua ra mà sử, chẳng kể chi Quốc-sư bằng lòng hay chẳng bằng lòng, mà bắt ép ông phải làm lễ cưới. Quốc-sư Cưu-ma-viêm phải làm

vào cảnh áp-chế như thế, thực chẳng khác gì con chim nhốt ở trong lồng, dù hết sức cào đạp kết quả vẫn là thân tù, từ đó Quốc-sư lại phải cúi đầu làm em rề vua thòi.

Trong nước Quy-tu có một ngôi chùa lớn, gọi là chùa Tước-lê, trong chùa có nhiều các vị cao-tăng đại đức chu tri, mà lại có được mấy vị chứng-đạo hẳn nữa. Cái tiếng ấy đã lọt vào tai cô em gái vua khác phạm rồi, cô liền cùng với cô quý-nữ trong họ nhà vua và các nỳ cô có đạo-đức, cùng đến cả chùa Tước-lê, mà bố thí cúng-dàng, thỉnh trai nghe pháp luôn mãi. Một hôm, cô em gái vua khác phạm ấy bỗng nhiên thông hiểu được cả tiếng Thiên-chúc, có tài biện bác vô ngại, có ai hỏi câu gì khó, cô liền giảng giải cho cùng tận ngọn nguồn. Lúc đó, ai nấy đều lấy làm lạ lùng hết sức. Trong chùa có một vị La-hán tên là Đạt-ma cù-xa nói rằng : « Cô ấy tài có mang một đứa con đại trí tuệ đó ». Nói đoạn lại dẫn sự tích lúc ngài Xá-lợi-phất đầu thai để làm chứng nữa. Quả nhiên, đến kỳ chín tháng mười ngày, sau khi ngài Cru-ma-la-thập cắt tiếng oe oe ra đời, thì cô cũng quên hết cả tiếng Thiên-chúc.

Qua mấy năm, mẹ ngài Cru-ma-la-thập muốn bỏ nhà xuất-gia, sau bị ông chồng là Cru-ma-viêm ngăn cản không cho. Không bao lâu lại sinh một con trai nữa, đặt tên là Phất-sa đê-bà,

Một hôm mẹ ngài Cru-ma-la-thập, cùng một bọn thê-nữ đi ra chơi ngoài thành, trông thấy những đống xương khô ở trong mộ hồng, bùn đất lẫn lộn, liền lầm bầm nói : « Đời người là khổ, là không, là không có ta, là như bần, cái căn bản người là ở chỗ nào ? = Chỉ ở một chữ ái mà thôi ! Ta muốn thoát -khỏi cái khổ con người khổ, không có ta và như bần này, thì trước hết quyết phải thoát-ly cái ái tình vợ chồng ra đã, mà muốn thoát-ly cái ái-tình vợ chồng, thì chỉ có một phép xuất-gia mà thôi. Bà đứng nhìn vào cái má hồng ấy mà

nghe ngằn cả người, bọn thị-nữ thấy bà không vui, liền mời bà về cung. Bà về tới cung, nói ngay với ông Cru-ma-viêm rằng : « Nay tôi đã quyết chí xuất-gia, tôi xin ông đừng ngăn cản tôi nữa » ! Ông nghe nói lặng yên không nói sao, nhưng chỉ nguyện bà thì đã kiên quyết lắm, đã kiên-quyết như thế Kim-cương, không được tôi kỳ thế-phát thì nhất định không chịu ăn uống gì cả. Bà tuyệt thực luôn sáu đêm ngày, khí lực đã lả, hơi thở đã gắt, cứ coi tình hình bề ngoài, cũng đủ biết rằng chỉ trong đêm ấy một dóa phương-hồn bà tất phải lìa khỏi cái xác phàm của bà rồi. Ông Cru-ma-viêm trông thấy tình-cảnh như thế, sợ hãi vô cùng, mà không làm thế nào được, đành nhận lời cho bà xuất-gia. Dù sao mặc lòng, trước khi chưa thế phát, bà vẫn chưa chịu ăn uống gì. Vì thế ông phải cho người cạo ngay đầu cho bà rồi bà mới ăn uống. Sáng ngày thứ hai bà làm lễ xin thu-giới, học kinh tập thuyên, tinh tiến không lười, không bao lâu bà đã chứng được quả Tu-đà-hoàn, Ông La-thập, đến năm lên bảy tuổi, cùng theo mẹ xuất-gia, thầy dạy học kinh, ngày thuộc ngàn câu kệ, mỗi câu kệ 4830 chữ, cộng là 32.000 chữ. Ông thầy lại dạy tụng các sách luận và giảng nghĩa cho ông nghe, nào hay ông đã hiểu cả từ trước rồi mà lại hiểu đến những chỗ rất sâu xa nữa.

Bấy giờ người nước Quy-tur, thấy mẹ ông La-thập là bà em vua xuất-gia, càng thêm quý trọng, hàng ngày đem cúng dàng rất nhiều thức ăn. Bà cho thế là làm phiền đến công tu trì của hai mẹ con bà và bà cũng muốn cho ông La-thập được thành các tính quen chịu được khó nhọc, cho nên bà mới giắt ông La-thập đi biệt xứ khác. Tại nước Kế-tân có một vị Pháp-sur có danh vị có đạo đức lớn là Bàn-dầu đạt-đa, nguyên là em con chú con bác với vua nước Kế-tân, ông là người anh hùng, có lượng bao dung lớn, tài năng khéo đạt, thực đáng gọi là một nhân vật thứ nhất đời bấy

giờ, ông học thông cả ba tạng chín bộ. Từ sáng đến trưa ông viết được một ngàn bài kệ từ trưa đến tối ông lại tụng được một ngàn bài kệ, tiếng tăm ông lừng cả các nước, cho nên xa gần đều kéo đến học ông. Ông La-thập theo mẹ, qua sông Tân-đầu, đến nước Kê-tân, liền đến lễ ông Bàn-đầu đại-đa xin học, ông liền theo thầy được hai bộ kinh Trung A-hàm và Tráng A-hàm hơn bốn trăm vạn câu. Đạt-đa pháp-sư đối với ai, cũng khen cái tài thông minh thần kỳ của ông La-thập. Khi vua Kê-tân nghe thấy tin ấy, liền mời ông La-thập vào cung, và cho mời vô số các luận-sư ngoại-đạo vào trong cung mà bàn cãi với ông, để xem sự học vấn của ông đến thế nào. Các thầy ngoại đạo trông thấy một chú tiểu bé, đã sinh lòng kính trọng, cho nên lúc bàn cãi đã lộ ra toàn những lời sực ngạo. Ông nhè những chỗ họ nhận lầm mà bẻ lại, các thầy mới xấu hổ mà không dám nói chuyện nữa. Từ đó trở đi, vua Kê-tân lại càng kính trọng ông lắm, mỗi ngày cung cấp cho ông một đôi nền sập, gạo tám cánh và miễn mỗi thứ ba cân, dầu sữa sáu thăng, đó là những món cúng dâng cực phẩm ở bên Tây vực vậy. (còn nữa)

VĂN · UYÊN

LỄ PHẢ ĐỘ CHIẾN-SĨ TRẬN VONG

Chi hội Phật-Giáo Hải-dương làm lễ Phả-độ cho Pháp, Nam tướng-sĩ trận vong bên Pháp quốc và ở Lạng-sơn, cùng những dân bị nạn bom Hải-phong.

Tối mồng 2 tháng 10 Annam, tức mồng 1 tháng 11 tây, tại chùa Hội-quán cùng Tiệp-linh, cúng thỉnh Phật và tụng kinh.

7 giờ 30 sáng mồng 3 ta, làm lễ cấp-điệp cho chư linh. Có quan Công-sứ Lebel, và các quan chức Pháp. Nam cùng các viên chức các thân hào thành phố đều dự lễ rất đông.

Trước hết chư Tăng hành lễ cấp-diệp song, kể đến ban Đồng-nữ đều mặc áo thụng thâm đứng hai bên đọc bài cầu nguyện và chú Vãng-sinh; sau đến ông Trưởng ban Hộ-niệm đọc bài văn Truy-diệu, nghe rất cảm động, trong khi làm lễ ai nấy đều im lặng về mặt buồn đau, hình như đã động lòng trăn ầu vì tình đồng loại.

BÀI VĂN TRUY DIỆU

*Than ôi! Âm dương đôi ngã cách xa,
Thác là thê phách còn là linh ánh.*

*Nào là Tướng sĩ tông chinh,
Nào là tạc-dạn vô linh xây ra.*

*Cùng chung một gánh Quan hà,
Thác vì việc nước ai mà không thương.*

*Trời long dất lở khôn lường,
Người ta hai chữ vô thường đó thôi.*

*Thương vì biển ảo cơ trời,
Mấy phen lửa đạn bao người máu xương.*

*Non sông để một vết thương,
Sử-sanh ghi nhớ tang thương lâu giải.*

*Sự sùi gió bắc mưa đoài,
Trạnh niêm nghĩ đến giống loài càng thương.*

*Nay nhân tảo mộ lễ thương,
(nhân lễ les-mors)*

*Phật dài thắp một tuần hương khẩn nguyện
Anh linh giáng phó đàn tiền,*

*Chúng sinh công đức vô biên vô lường.
Nước Phật là cõi Tây phương,*

*Hồn về nơi ấy mọi đường yên vui
Khẩn nguyện luống những ngậm ngùi.*

Cống chân

THỜI SỰ

TIN THẾ GIỚI

Mặt trận Anh-Đức-Ý-Hy

Anh và Đức cũng vẫn chỉ dùng không quân đánh phá lẫn nhau. Không quân Đức hồi này đòi chiến-lược, thường đánh phá nơi nào thì đánh thật dữ dội vào nơi ấy, chứ không đánh giải rác. Đức chừng như chỉ hoạt-động về mặt ngoại-giao nhiều. Hiện đã kéo nước Lỗ dự vào cuộc tay ba Đức-Y-Nhật nay lại đang điều đình với Bảo. Bảo trước đã định cho phái-bộ sang Đức, nhưng chưa hiểu vì có gì nay lại đình lại.

Quân Hy thắng lợi, quân Ý phải rút lui

Hiện nay Hy đang hoạt-động trong địa-hạt xứ Albanie và tiến ở bốn nơi chính, Bên phải về phía Bắc hiện đã vượt qua Progradetsi, và tiến qua phía Tây đến Moskapolis. Quân Hy đã vượt qua Frosheri và đạo quân tiến về phía tây Moskapolis sắp đánh thành Boral.

Kết quả việc ngoại giao tướng Nga Molotov

đến Berlin

Lyon 27 Nov. (Tin Pháp Arip): Phóng viên ở Belgrade của báo « Temps » có kể cái kết quả gây được ở Ba-nhĩ-cần, sau việc ngoại giao Nga đến Berlin như sau :

1. Chánh phủ Nga ưng thuận cái trật tự mới ở Âu-châu do Đức khởi xướng lên.

2. Nước Đức sẽ không làm việc gì và cũng không giúp đỡ một công cuộc gì có hại đến quyền lợi của Nga ở eo biển Dardanelles.

3. Đường cương-giới mới của Nga và Phần-lan sẽ được công nhận.

4. Nước Nga và nước Nhật sẽ ký với nhau một bản hiệp ước bất-xâm-phạm.

5. Hai nước Nga-Đức sẽ điều đình với nhau về mọi việc ở Moscou.

Ngoài các việc trên này, và lại có thể thêm rằng nước Nga lại ủng hộ các nước độc-tài được tự do hành-động ở Bá-nhĩ-căn.

Á CHÂU

Tin Trung Nhật

Tuần này đã thấy nhiều tin về việc Nhật sắp ký hiệp ước với chính-phủ Nam-kinh và Trưng-khánh cũng có nhiều phái muốn hòa với Nhật, nhưng theo tin vài hôm nay thì quân Nhật lại đang tấn công một nơi trong tỉnh Hồ-bắc. Vì Nhật thấy gần đây Tưởng-giới-Thạch ra lệnh phản-công và hình như quân Tàu đã rục-rịch hành động nên quân Nhật đánh trước để bỏ vây quân địch. Miền này là chiến khu thứ năm ở Tàu và do 440000 quân Tàu phòng thủ.

TIN TRONG NƯỚC

Từ ngày 25 đến ngày 28 Novembre, ở Nam-kỳ có mấy bọn tụ tập ở các tỉnh là do đảng viên cộng-sản xui giục đã bị giải tán ngay. Hai vị thân hào bị bọn hung đồ bắt đi và chúng có phá phách mấy nơi, nhưng không tổn hại là mấy. Các quan chức theo đuổi việc thành trừng các miền bị quấy rối, đã bắt giam nhiều người. Việc giao thiệp Đông-dương với Nhật càng ngày càng thấy hiểu nhau và đã thỏa thuận cùng nhau và đều tỏ ra là biết trọng quyền lợi nhau.

PHƯƠNG DANH CÁC VỊ CÔNG ĐỨC CÙNG
TIỀN LÀM CHÙA HỘI QUÁN
TRUNG ƯƠNG

Mme Bông. 282 Khám-thiên	5\$00
Phạm thị Riêm, 43 Amiral Sénès	5.00
Mme Quảng-tường, 143 phố hàng Bạc	10.00
Cu Bát-Dáy. 47 phố hàng Nón	5 00
Mme Bảo-hưng, 9 phố Tô-lich	10 00
Mme Nguyễn-Long, 108 Hòa-mã	5.00
Mme Trần-ngọc Hậu, 12 Rue d'Hérél de Brisia	4 00
Mme Nguyễn phầw-Hóng, 41 Lavarán	5.00
Mme Tấn-long, 78 Médicaments Hanoi	10.00
M. Lê-văn-Từ, 57 ngõ Phát-lộc	10.00
M. Lê-đức-Thành, 25 Rue des Tasses	3.00
M. Dương-bạ-Xuân, 17 phố Châu-long	3.00
Bà Tham-Dương. 9 phố hàng Cót	5.00
Mme Nguyễn-thị-Yên, 106 phố Huế	3.00
Mme Ngô-bằng-Giực, 24 bis Boulevard Gia long	10.00
Mme An-Lợi, 48 phố hàng Mắm	5.00
Mme Thuận-xương, 11 phố hàng Bè	5.00
Mme Trần-thị-Vị, 19 vườn hoa cửa Nam	5.00
Cụ Thuận-tín, 23 Phố Hàng Vôi, cùng 100 tạ vôi.	
Nghĩa-lâm, 86, Phố Hàng Bạc	5 00
Hiệu Phú-xương, 43 Hàng Đào	5.00
Hiệu Dụ Lợi 15 Nguyễn-Khuyến	2.00
Mme Thuận-Kỷ ở Đồng-mỏ	2.00
Cụ Nguyễn gia Phong, 96 phố Bờ sông	5.00
Mme Đức-Thái dite Nguyễn-thị-Quý, 50 Rue des Tubercules	5.00

Cự-Hải, phố hàng Mắm N° 1	3\$00
Mme Ích-Thái, 54 Rue des Changeurs	5.00
Mme Lê quảng Long, 50 Rue de Takou	3 00
Mme Bội thị Thụy, 59 phố hàng Mắm	3 00
Mme Ngô duy Ban, 36 Rue des Changeurs	10.00
M. Nguyễn văn Năm, 27 Rue des Radeaux	10.00
Mme Quan thị Sở, 32 Rue du Coton	3.00
M. Hoàng đình Minh, 26 hàng áo	5 00
Mme Nguyễn thị Minh, hiệu diệm Khang 13 hàng Cau	10 00
Quế Sơn, phố Cầu gỗ 7	3.00
Mme Bính (Đan ký) 49 Rue Ferblantiers	5.00
Mme Veuve Lê đang Khải, 179 Route de Huế	10.00
Mme Hai-việt, 80 phố hàng Đậu	2.00
Liên Thành, phố hàng Đậu	5 00
Monsieur Trần-tống-Nguyên, 12 Rue de Jean Depuis	1.00
Bội ngọc Giáp 42 phố hàng Mắm	3.00
Hiệu Phúc-long, 31 hàng Mắm	2.00
Hiệu Nguyên Thịnh, 42 phố hàng Nâu	1.00
Hiệu Quảng-lợi, 58 phố hàng áo	1.00
Hiệu Phúc Thịnh, 35 Rue des Graines	2.00
Hiệu diệm Liên, 113 phố Mã mây	5.00
Hiệu Phúc lộc, 57 hàng Mắm	3.00
Nguyễn tương Lâm, 100 hàng Bạc	3.00
Phúc lợi, 7 Rue des Changeurs	1.00
Mme Thịnh Đức, 2 rue des Radeaux	1.00
Cự Xuân Hòa, 19 rue des Radeaux	1.00
Mme Trảng Thịnh, 23 rue des Radeaux	1.00
Mme Lê thị Cử, 34 phố nhà thương Khách	1.00

CHƯƠNG TRÌNH

Ngày lễ Khánh-đản Đức Di-Đà và lễ cất nóc chùa
Trung-ương Hội Phật Giáo Bắc kỳ

Ngày 16 tháng 11 ta tức là 14 Décembre

Buổi sáng :

10 giờ : Chư Tăng làm lễ cúng Phật.

Buổi chiều :

3 giờ : Lễ Đại-xám.

5 giờ : Khóa-niệm.

5 giờ 30 : Lễ xám-nguyện.

7 giờ 30 : Ban Hộ-niệm lên khóa lễ.

8 giờ 30 : Hòa-thượng Tế-Cát giảng kinh Đại Di-đà.

Ngày 17 tháng 11 ta, tức là chủ nhật 15-15-1940

Buổi sáng :

7 giờ 30 : Dâng lục cúng

9 giờ 30 : Cử lễ cất nóc chùa và lễ phật mộc tạo tượng.

Buổi chiều :

3 giờ : Tụng hội kinh (Tứ-thập-bát-nguyện).

4 giờ 30 : Ban Đồng-nữ, làm lễ.

5 giờ : Khóa niệm.

5 giờ 30 : Chư Tăng cùng các hội-viên lên khóa đại-lễ và nhiều Phật (có tụng kinh riêng cho những vị nào có dự vào lễ nhiều Phật).

7 giờ 30 : Giảng kinh.

8 giờ : Đàn quy.

Xin kính mời thập phương giáo hữu trong hai ngày đó đến Hội-quán chùa Quán-Sứ lễ Phật.

Ban Trị-sự Hội Phật-giáo Bắc kỳ kính

HỘP THƠ

Phương danh các vị độc giả Đ. T.

Đã trả tiền báo bằng mandat

M. M. Dương-văn-Bảo, Ninh-bình	1\$50
Nguyễn-lê-Tiến, Pho chau (Annam)	1.50
Ngô-thị-Ngôi Thủ-dầu-một	2 00
Nguyễn-đình-Ấm Ninh-hoa (Annam)	0.80
La-nguyên-Thái, Huế	1 50
Nguyễn-văn-Lộc, Tân-an	3.00
Nguyễn-liên-Sanh, Trà-ôn	3.00
Ngô-văn-Kiểm, Saigon	1.50
Trương-văn-Châu, Trà-vinh	1.50
Trương-Tư Thanh-hóa	1.50
Trương-xuân-Tích, Tour cham	3.00
Lê-Đình	1.50

TIN CÁC HỘI VIÊN QUÁ CỠ

Mme. Đàm-thị-Phấn, 25 Vieille des Tasses Hanoi, viên tịch ngày 31 Juillet 1940.

Mme Phạm-thị-Thịnh, 39, Soeur-Antoine Hanoi, viên tịch ngày 18 Novembre 1940.

Mme Lê-thị-An, 14 Hàng Cỏ Hanoi, viên tịch ngày 27 Octobre 1940.

Mme Nguyễn-thị-Huân, 12 Rue d'Herel de Brisis (Hòa-mã) Hanoi, viên tịch ngày 29 Novembre 1940.

Mme Nguyễn-thị-Lê, ở xã Bách-lộc Sơn-tây, viên tịch ngày 4 Novembre 1940.

Mme Hạ-thị-Bé, ở xã Tuy-lộc, viên tịch ngày 14 Novembre 1940.

Mme Cấn-thị-Cánh, ở xã Tuy-lộc, viên tịch ngày 16 Novembre 1940.

TUỆ

Quản-ly : CUNG-ĐÌNH-BÌNH